

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN AN MINH  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **26/2021/DS-ST**  
Ngày 25 tháng 9 năm 2021  
“*V/v Tranh chấp hợp đồng  
góp hui*”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH - KIÊN GIANG**

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Mỹ Huê

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Hồ Thị Hoa

2. Ông Phạm Ngọc Thanh

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Cao Vũ Linh, Cán bộ Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh tham gia phiên tòa:***  
ông Trần Văn Ý-Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 9 năm 2021, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 209/2020/TLST- DS ngày 28 tháng 12 năm 2020 về việc “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự góp hui*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 92/2021/QĐST-DS ngày 24/6/2021, giữa các đương sự:

***1. Nguyên đơn:*** Bà **Nguyễn Thị Ph**, sinh năm 1971 (*Có mặt*)

Địa chỉ: ấp Vàm Xáng, xã Đông Hưng B, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

***2. Bị đơn:-*** Bà **Nguyễn Thị X**, sinh năm 1978 (*Có mặt*)

- Ông **Lê Quốc Th**, sinh năm 1977 (*vắng mặt có đơn*)

Cùng địa chỉ: ấp Cán Gáo, xã Đông Hưng B, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***\* Trong đơn khởi kiện ngày 16/10/2018 và quá trình tố tụng bà Ph trình bày và yêu cầu như sau:***

Năm 2016 và năm 2017 bà Ph tổ chức góp hui, bà X và ông Th tham gia, hiện nay còn thiếu số tiền của cụ thể như sau:

Dây áp hội ngày 20/8/2016 âm lịch, loại 2.000.000đ, có 25 phần, trong đó: bà X, ông Th tham 01 phần, góp hội được 16 lần thì không góp, dây hội mãi ngày 20/7/2018 âm lịch, còn nợ lại 09 lần không góp tiền hội, số tiền là **18.000.000đ**.

Dây hội áp ngày 25/01/2017 âm lịch, loại hội 2.000.000đ, có 24 phần bà X, ông Th tham gia 01 phần, góp hội được được 09 lần, không góp tiền hội, dây hội mãi ngày 25/11/2018 âm lịch, còn nợ lại 13 lần x 2.000.000đ = **26.000.000đ**.

Ngày 05/11/2016 âm lịch, hội 2.000.000đ, bà Ph mở 02 dây, mỗi dây có 27 phần, bà X, ông Th tham gia mỗi dây 01 phần;

**Dây A:** Bà X, ông Th tham gia 01 phần, góp hội được 12 lần, còn lại 14 lần chưa góp = **28.000.000đ**, hội mãi ngày 05/12/2018 âm lịch;

**Dây B:** Bà X, ông Th tham 01 phần góp hội được 13 lần thì lĩnh, số tiền được lĩnh là 29.500.000 đồng, sau khi gồm tiền hội bà Ph giao tiền cho bà X, ông Th nhưng không nhận tiền bà Ph giao mà cho rằng hội bể và không góp tiền hội thiếu đối với bà Ph. Bà Ph xác định dây hội B bà X chưa nhận tiền, bà X thiếu tiền hội chết của bà Ph chưa góp là 13 lần, số tiền 26.000.000đ ( 29.500.000đ - 26.000.000đ), sau khi trừ cần qua lại thì bà Ph còn nợ lại bà X 3.500.000đ.

Sau khi đến ngày góp tiền hội bà Ph có đến góp tiền hội bà X, ông Th không góp tiền hội cho bà Ph nên bà làm đơn yêu cầu đến chính quyền địa phương hòa giải thì bà X xác định hội bể nên không nhận tiền hội và không góp tiền hội chết cho bà Ph.

Nay bà Ph yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà X và ông Th phải trả số tiền hội còn thiếu của các dây hội tính đến tháng 8/2018 âm lịch, số tiền là 56.500.000đ, bà Ph trừ đi phần hội bà X, ông Th lĩnh mà bà Ph giao ông Th và bà X chưa nhận 29.500.000đ. (số tiền còn lại 14.000.000đ do khởi kiện trước ngày mở hội nên chưa khởi kiện).

**\* Trong biên bản hòa giải ngày 06/4/2021, bị đơn bà Nguyễn Thị X trình bày:**

Thừa nhận, vợ chồng bà X có tham gia các phần hội do bà Ph làm chủ, còn nợ số tiền như bà Ph trình bày và hiện còn nợ tiền hội của bà Ph đến mãi hội 98.000.000đ, trong số tiền 98.000.000đ thì bà Ph còn thiếu số tiền hội bà X, ông Th được lĩnh hội vào ngày 05/11/2017, bà Ph không giao nên bà X không

góp tiền hui chết cho bà Ph. Việc tham gia góp hui ông Th biết, số tiền lĩnh hui về thuê đất vợ chồng cùng làm lấy tiền phục vụ gia đình.

Nay bà X xác định các phần hui bà tham gia hiện nay đã mãn, số tiền hui vợ chồng bà thiếu bà Ph đến mãn hui 98.000.000đ. Bà X yêu cầu bà Ph phải giao 29.500.000đ, giao một lần, số tiền hui bà thiếu thì bà góp dần cho bà Ph mỗi tháng 8.000.000đ.

*Tại phiên tòa:*

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ph, bị đơn bà Nguyễn Thị X vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày nêu trên

Kiểm sát viên phát biểu:

- Về thực hiện tố tụng tuân theo pháp luật của Thẩm phán, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi nghị án, Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, Thẩm phán thực hiện các thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, xác định mối quan hệ pháp luật, về thu thập tài liệu, chứng cứ chứng minh, tổng đạt các văn bản tố tụng và chuyển hồ sơ vụ án cho Viện Kiểm sát đúng trình tự thủ tục và thời gian quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự. Thư ký Tòa án thực hiện đúng theo quy định tại Điều 51 của Bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng thì nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 72, 73, 76, 78 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn, ông Th chưa thực hiện đúng quy định vắng mặt khi được Tòa án thông báo.

*- Về nội dung và quan điểm giải quyết vụ án:*

Sau khi xem xét các chứng cứ và ý kiến trình bày của các đương sự tại phiên tòa thì xác định, ông Th và bà X có tham gia góp hui do bà Ph làm chủ, còn thiếu tiền hui đến ngày khởi kiện (tháng 8/2018) là 56.500.000đ. Việc thỏa thuận giao dịch dân sự giữa bà Ph đối với bà Xiêl và ông Th là hợp đồng góp hui, hình thức chủ hui ghi sổ, có lãi, không biên nhận giấy tờ nhưng do bị đơn thừa nhận số tiền thiếu đúng với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên vụ án không cần chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn thiếu tiền hui đối với bà Ph đã vi phạm hình thức góp tiền hui nên bà Ph khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết là có cơ sở, bị đơn đồng ý trả tiền hui đúng số tiền mà nguyên đơn khởi kiện nhưng cho rằng phía nguyên đơn có lỗi không giao số tiền hui được lĩnh cho nên không góp tiền hui chết cho bà Ph, không thỏa thuận được với nhau về thời gian và hình thức trả tiền nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ph, buộc ông Th và bà X phải trả số tiền còn thiếu cho bà Ph đến thời điểm khởi kiện (tháng 8/2018 âm lịch),

Đối với số tiền còn lại các dây hụi đến thời điểm xét xử đã năm, số tiền còn lại mặc dù bà X thừa nhận nhưng do bà Ph khởi kiện trước ngày mở hụi nên chưa đủ điều kiện xem xét mà chỉ xét đến thời điểm khởi kiện là phù hợp quy định tại các Điều 471 Bộ luật dân sự và Điều 24 Nghị định 19/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biếu, phượng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án nhân dân huyện An Minh đã tiến hành giao thông báo cho ông Th biết về việc bà Ph khởi kiện nhưng đã hết thời gian quy định trong thông báo, ông Th không ý kiến nên Tòa án tiến hành các thủ tục theo quy định ông Th vắng mặt, nên Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử, tại phiên tòa lần thứ nhất vắng mặt ông Th nên phải hoãn phiên tòa, tại phiên tòa hôm nay ông Th vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên HĐXX xét xử vụ án vắng mặt ông Th theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Xét về nội dung đơn khởi kiện*: bà Ph khởi kiện đòi bà X và ông Th trả tiền hụi còn thiếu 56.500.000 đồng, bà X thừa nhận còn thiếu đúng số tiền hụi của bà Ph, nên xác định tranh chấp giữa bà Ph và bà X, ông Th là giao dịch dân sự hợp đồng góp hụi, hụi có lãi, có hoa hồng, khi xác lập thì chủ hụi ghi danh sách giao cho hụi viên là phù hợp quy định tại Điều 16 Nghị Định của Chính phủ quy định về giao dịch họ, hụi, biếu, phượng. Việc tham gia giao dịch hụi giữa các đương sự không biên nhận nhưng phía bị đơn thừa nhận được xác định là vụ án không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Xét về yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ph đối với bà X và ông Th thấy rằng*: Bà Ph khởi kiện đòi ông Th và bà X phải trả số tiền 56.500.000đ còn thiếu, tính đến tháng 8/2018 âm lịch, phần còn lại của các dây hụi áp ngày 25/01/2017, tính từ tháng 9/2018 âm lịch đến ngày mãn hụi là 03 lần x 2.000.000đ = 6.000.000đ; dây hụi áp ngày 05/11/2016 tính từ tháng 9/2018 đến tháng 12/2018 là 4 tháng x 2.000.000đ = 8.000.000đ do bà Ph nộp đơn khởi kiện trước thời điểm mở hụi, nên chưa đòi trong vụ án này.

Bị đơn bà X thừa nhận vợ chồng bà có tham gia các phần hụi do bà Ph làm chủ 04 phần, tính đến tháng 8/2018 âm lịch, vợ chồng bà còn thiếu số tiền hụi chết 03 phần, sống 01 đã kêu hụi lĩnh số tiền là 29.500.000đ nhưng bà Ph chưa giao tiền hụi mà tuyên bố úp hụi, số tiền hụi tính đến ngày mãn hụi thì vợ chồng bà còn thiếu bà Ph 98.000.000đ, số tiền bà Ph thiếu bà 29.500.000đ, trừ qua lại thì vợ chồng bà còn thiếu bà Ph đến ngày mãn hụi là 68.500.000đ, nhưng bà xác định việc bà thiếu tiền hụi là do bà Ph có lỗi nên bà không đồng ý trả số

tiền hui như bà Ph, mà bà yêu cầu bà Ph phải giao đủ số tiền hui bà được lĩnh 29.500.000đ, số tiền bà thiếu bà Ph thì bà góp hàng tháng, một tháng 8.000.000đ, góp cho đến khi mãn hui. Xét thấy việc khai nại của bà X nêu ra là không có cơ sở bởi vì các phần hui mà bà Xl và ông Th tham gia thì chính bản thân bà xác định đã mãn nên bà phải có nghĩa vụ góp tiền cho bà Ph, nhưng đến nay chưa góp tiền hui cho bà Ph thì bà Ph có quyền khởi kiện đòi số tiền hui mà bà và ông Th thiếu là hoàn toàn phù hợp quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự, Điều 16, Điều 24 Nghị định số:19/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hui, biêu, phường. Tại biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa hôm nay bà X, bà Ph xác định số tiền hui mà bà X và ông Th thiếu bà Ph nhiều hơn so với số tiền bà Ph khởi kiện, sau đó bà Ph khởi kiện bổ sung đòi tiền hui bà X thiếu đến mãn hui. Tòa án thông báo cho bà Ph nộp tiền tạm ứng án phí bổ sung nhưng bà Ph không nộp, nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện bổ sung của bà Ph mà chỉ xem xét đối với số tiền mà bà Ph khởi kiện ban đầu, số tiền là 56.500.000đ, số tiền hui còn lại từ tháng 9/2018 cho đến khi mãn hui 14.000.000đ nếu sau này bà Ph có khởi kiện thì thụ lý giải quyết thành vụ kiện dân sự khác.

Đối với việc khai nại của bà Xi cho rằng bà Ph không giao tiền hui cho bà. Bà X yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Ph phải trả tiền hui mà vợ chồng bà được nhận. Tòa án đã thông báo cho bà và ông Th biết có khởi kiện đòi bà Ph trả tiền hui không, bà nhận được thông báo từ tháng 4/2021 đến nay không khởi kiện nên HĐXX không xem xét.

Từ những cơ sở nhận định nêu trên nghĩ nên chấp nhận ý kiến đề nghị của kiểm sát viên và khởi kiện yêu cầu của bà Nguyễn Thị Ph, buộc ông Lê Quốc Th và bà Nguyễn Thị X có trách nhiệm trả tiền hui còn thiếu đối với bà Ph.

[4] *Về án phí*: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định án phí và lệ phí của Tòa án. Buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp. nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 16, Điều 24 Nghị định số:19/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hui, biêu, phường; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí của Tòa án.

[1] Buộc bà Nguyễn Thị X và ông Lê Quốc Th phải trả **56.500.000** đồng (*Năm mươi sáu triệu năm trăm ngàn đồng*) tiền hui còn thiếu đối với bà Ph.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án nếu người phải thi hành án không trả hoặc trả không đủ số tiền nói trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án một khoản tiền lãi theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

[2] Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị X, ông Lê Quốc Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm **2.825.000** đồng (*Hai triệu tám trăm hai mươi lăm ngàn đồng*) phần phải trả nợ ( $56.500.000đ \times 5\%$ );

Nguyên đơn bà Ph không phải chịu án phí. Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Ph **706.000** đồng (*Bảy trăm lẻ sáu ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí mà bà Ph tạm nộp theo biên lai số 0006191 ngày 25/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện An Minh.

[3] Báo quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 25/9/2021, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản chính của bản án nay tổng đạt theo thủ tục Tổ tụng dân sự.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi gửi;***

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Minh;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện An Minh;

**Lê Mỹ Huê**